TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 16/2023/DS-PT Ngày 29-3-2023 V/v Kiện đòi tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngôn Ngọc Viên

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Vân Khánh

Bà Nông Biên Hòa

- Thư ký phiên toà: Bà Nông Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Nha - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng. Xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 12 năm 2022 về việc: *"Kiện đòi tài sản"*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2022/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 31/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Trung A; địa chỉ: Nhà số B, số C, thôn D, xã Đ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà; Vắng mặt tại phiên tòa;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Sầm E; Địa chỉ: Tổ F, phường G, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Có mặt tại phiên tòa;

- *Bị đơn:*

1. Cháu Nguyễn Bảo H - sinh năm 2006; vắng mặt

2. Cháu Nguyễn Bảo I - sinh năm 2013; vắng mặt

Người giám hộ của cháu Nguyễn Bảo H và cháu Nguyễn Bảo I: Bà Lục Thị J (mẹ đẻ); Cùng địa chỉ: Tổ B, phường K, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; bà J có mặt

3. Cháu Nguyễn Bảo L - sinh năm 2010; vắng mặt

Người giám hộ của cháu Nguyễn Bảo L: Bà Lưu Thị M (mẹ đẻ); Cùng địa chỉ: Tổ B, phường K, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Bà M có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Hoàng Văn N và ông Đỗ Thành O làm việc tại Văn phòng luật sư Trung Hòa thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; ông N vắng mặt, ông O có mặt.

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa CT13B Khu đô thị Ciputra, đường Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nông Thị P; Địa chỉ: Tổ Q, phường K, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt

2. Ông Nguyễn Minh R; Địa chỉ: Tổ Q, phường K, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt

3. Bà Nguyễn Thị S; Địa chỉ: Xóm T, xã X, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt

4. Bà Lý Thị Y; Địa chỉ: Xóm Z, xã U, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt

5. Bà Hoàng Thị V; Địa chỉ: Tổ B, phường K, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; có mặt

6. Ông Nguyễn Thế A1; Địa chỉ: Tổ B, phường K, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt

7. Bà Nguyễn Thị B2; Địa chỉ: Tổ B, phường K, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt

8. Bà Nguyễn Thị C1; Địa chỉ: Tổ Đ1, phường K, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; có mặt

9. Ông Nguyễn Văn D1; Địa chỉ: Tổ Đ1, phường K, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt

10. Bà Nguyễn Thị E1; Địa chỉ: Tổ Đ1, phường K, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; có mặt

11. Bà Nguyễn Thị Hiền I; Địa chỉ: Bệnh viện đa kQ1 tỉnh Cao Bằng; vắng mặt

12. Bà Dùng Thị F1; Địa chỉ: Tổ Q, phường K, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; có mặt

13. Ông Nguyễn Xuân G1; Địa chỉ: Tổ Q, phường K, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt

14. Ông Nguyễn Xuân H1; Địa chỉ: Tổ Q, phường K, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt

15. Bà Đoàn Thị I1; Địa chỉ: Tổ J1, phường K, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt

16. Ông Nguyễn Văn K1; Địa chỉ: Tổ J1, phường K, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt

17. Bà Nguyễn Thu L1; Địa chỉ: Tổ Q, phường K, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt

18. Bà Nguyễn Thị M1; Địa chỉ: Tổ J1, phường K, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; có mặt

19. Bà Nguyễn Thị N1; Địa chỉ: Tổ J1, phường K, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; có mặt

20. Ông Bùi Đình O1; Địa chỉ: Tổ B phường K, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt

21. Ông Nguyễn Văn P1; Địa chỉ: Tổ B phường K, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;

22. Bà Nguyễn Thị Thanh Q1; Địa chỉ: Tổ B phường K, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt

23. Bà Hoàng Thị R1; Địa chỉ: Tổ B phường K, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt

24. Bà Hoàng Minh S1; Địa chỉ: Tổ B phường K, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt

25. Bà Đoàn Thị T1; Địa chỉ: Tổ B phường K, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt

26. Bà Phan Thị X1; Địa chỉ: Tổ B phường K, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt

Do có kháng cáo của các bị đơn: Nguyễn Bảo H, Nguyễn Bảo I, Nguyễn Bảo L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Trung A là con ông Nguyễn Văn Y1 và bà Đoàn Thị Z1 trú tại xóm U1, xã K, huyện Hòa An (nay là tổ B, phường K, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng). Năm 1972 ông A đi bộ đội vào miền Nam chiến đấu, năm 1976 ông về I2 cưới vợ, kết hôn với bà Đoàn Thị V1 (không có đăng ký kết hôn) và ra quân làm lái xe tại Công ty ô tô tỉnh Đắk Lắk. Ông A và bà V1 sinh được 02 người con trai là Nguyễn Khánh A2 (sinh năm 1979, chết năm 2014) và Nguyễn Khánh B1 (sinh năm 1981, chết năm 2014). Bà V1 là người sống không có đạo đức, ác mồm, chửi cả mẹ chồng, năm 1990 vì uất ức con dâu quá nên sinh bệnh, ốm đau và đã qua đời năm 1990, vì vậy ông A đã viết đơn xin ly hôn nhưng bà V1 không ký nên không có giải quyết ly hôn. Năm 1992 ông A lấy vợ khác, có 02 con trai là Nguyễn Trường C2, sinh năm 1992 tại Đắk Lắk và Nguyễn Trường D2, sinh năm 2001 tại Cao Bằng. Năm 2009 ông A xin nghỉ chế độ và chuyển gia đình về sinh sống ở Nha Trang đến nay.

Về đất đai: Năm 1984 ông A được ông Nguyễn Văn Y1 và bà Đoàn Thị Z1 chia đất ở và đất vườn, sau khi tan hợp tác xã năm 1990 được chia thêm đất ruộng cho ông A và các anh em trong gia đình, chia bằng miệng. Biên bản họp gia đình ngày 25 tháng 3 năm 2021 đã chứng minh ông A được bố mẹ chia cho diện tích đất mà ông đang yêu cầu tòa án giải quyết, không có tranh chấp giữa những người cùng hàng thừa kế.

Năm 1999 bà Đoàn Thị V1 tự ý đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà mà ông A không được biết. Năm 2000 ông Y1 chết, ông A và gia đình về I2 chịu tang, sau đó ở lại I2 và sinh con thứ hai tại xã K, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng, đến hết năm 2002 trở lại Nha Trang. Trong thời gian ở lại Cao Bằng, ông A đặt vấn đề với bà V1 xin đất làm nhà để trở lại I2 nhưng bà V1 không cho. Sau đó ông A làm đơn gửi Uỷ ban nhân dân xã K, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng nhưng chỉ được trả lời là bà V1 đã có sổ đỏ.

Các thửa đất ông A được bố mẹ ông A chia cho nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Đoàn Thị V1 năm 1999 gồm 04 thửa, trong đó bà V1 đã chuyển nhượng thửa đất số 50a, tờ bản đồ số 14 cho người khác, chỉ còn lại 03 thửa sau:

- Đất ở và đất vườn thuộc thửa số 392, tờ bản đồ địa chính số 14 (bản đồ địa chính 1995) có diện tích 910m^2, nhà nước thu hồi một phần đất làm đường quốc lộ 3. Nay là thửa số 85, tờ bản đồ địa chính số 85 (bản đồ địa chính 2015) chỉ còn diện tích là 450m^2.

- Đất ruộng gồm 02 đám:

+ Đám Đ2 thuộc thửa số 4, tờ bản đồ địa chính số 21, diện tích 940,9m^2 tại tổ 5, phường K, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

+ Đám E2 thuộc thửa số 142, tờ bản đồ địa chính số 14, diện tích 515,5m^2 tại tổ 7, phường K, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Năm 2017 bà V1 viết di chúc để lại thửa 85 và 02 thửa đất ruộng cho 03 cháu M2 là Nguyễn Bảo H, Nguyễn Bảo I và Nguyễn Bảo L. Tháng 7 năm 2018 bà V1 chết, các thửa đất này do các cháu và mẹ các cháu quản lý, sử dụng nên ông A yêu cầu tòa giải quyết các vấn đề sau:

1. Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 443831 mang tên Đoàn Thị V1 được Ủy Ban nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng cấp ngày 09/12/1999;

2. Yêu cầu tuyên bố vô hiệu di chúc của Đoàn Thị V1 lập ngày 10/7/2017.

3. Yêu cầu Nguyễn Bảo H, Nguyễn Bảo I, Nguyễn Bảo L trả lại cho ông Nguyễn Trung A một nửa các tài sản sau:

- Thửa đất số 392, tờ bản đồ số 14 (bản đồ địa chính 1995), diện tích 910 m^2, đã bị thu hồi một phần, nay thửa đất còn lại 450 m^2 thuộc thửa 85, tờ bản đồ số 85 (bản đồ địa chính năm 2015), địa chỉ: Tổ B, phường K, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Đất ruộng tên địa phương là Đ2 thuộc thửa đất số 04, tờ bản đồ số 21 (bản đồ địa chính 2015), diện tích 940,9 m^2 (địa chỉ: tổ B, phường K, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng);

- Đất ruộng tên địa phương là E2 thuộc thửa đất số 142, tờ bản đồ số 14 (bản đồ địa chính 2015), diện tích 515,5 m^2 (địa chỉ: tổ Q, phường K, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng).

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn và người giám hộ của các bị đơn thống nhất trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị V1 kết hôn với ông Nguyễn Trung A từ năm 1976, không có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống sinh được 02 người con trai là Nguyễn Khánh A2, sinh năm 1979 và Nguyễn Khánh B1, sinh năm 1981. Sau đó, được bố mẹ chia cho 04 thửa đất để quản lý sử dụng.

Đến năm 1990 ông A từ bỏ vợ con, thoái thác trách nhiệm với gia đình vào Đắk Lắk và đã kết hôn với người phụ nữ khác, còn bà V1 sống tại căn nhà cấp 4 xây dựng trên thửa đất 392, tờ bản đồ 14, địa chỉ Tổ B, phường K, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, đồng thời tiếp quản sử dụng 04 thửa đất và thực hiện nghĩa vụ đối với gia đình và nuôi dưỡng 02 con.

Về nguồn gốc đất đai: không biết nguồn gốc đất của ai, kể từ khi bà Lục Thị J và bà Lưu Thị M về làm dâu thì đã thấy bà V1 sử dụng 04 thửa đất sau:

+ Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 14 (bản đồ địa chính năm 1995), diện tích 460m^2 (đất lúa) nay là thửa 142, tờ bản đồ 21 (bản đồ địa chính 2015), diện tích 515,5m^2.

+ Thửa đất số 50a, tờ bản đồ 14, diện tích 380m^2 (đất lúa), thửa đất này đã chuyển nhượng cho người khác.

+ Thửa đất số 392, tờ bản đồ 14, diện tích 910m2 (trong đó có 110 m^2 đất ở, 800m2 đất vườn) nay là thửa đất số 85, tờ bản đồ 85, diện tích 450 m^2 (diện tích ít hơn do đã bị Nhà nước thu hồi làm đường tránh).

+ Thửa đất số 404, tờ bản đồ 14 (bản đồ địa chính năm 1995), diện tích 870 m^2 (đất lúa) nay là thửa số 04, tờ bản đồ số 21 (bản đồ địa chính 2015), diện tích 940,9 m^2.

Bốn thửa đất này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Đoàn Thị V1. Bà V1 quản lý sử dụng liên tục, ổn định không phát sinh tranh chấp, ông A không có ý kiến gì. Bà V1 đã viết di chúc để lại toàn bộ tài sản cho 3 cháu M2 vào năm 2017, đến ngày 14/7/2018 bà V1 chết các bị đơn quản lý, sử dụng ổn định không phát sinh tranh chấp, do đó, các bị đơn không nhất trí với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh chị em, các cháu trong gia đình ông Nguyễn Trung A thống nhất trình bày: Về nguồn gốc đất có tranh chấp là của ông A được bố mẹ chia cho, chia bằng miệng, các anh em trong gia đình đều nhất trí và không có tranh chấp gì. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A.

Tại Biên bản xác minh ngày 21/7/2022, 02/8/2022, ông Hoàng F2, bà Hoàng Thị G2, ông Vũ Văn H2 đều cho biết nguồn gốc thửa đất tranh chấp là của ông Nguyễn Văn Y1, bà Đoàn Thị Z1.

Tại Biên bản xác minh ngày 29/7/2022, bà Nông Thị E2 – Công chức địa chính phường K, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng cho biết:

Thửa đất số 85, tờ bản đồ số 78 (bản đồ địa chính 2018), diện tích 450,3 m^2, theo bản đồ địa chính 1995 là thửa 392, tờ bản đồ số 14, theo hồ sơ địa chính người sử dụng là Đoàn Thị V1.

Thửa đất số 142, tờ bản đồ số 14 (bản đồ địa chính 2018), diện tích 515,5 m^2, theo bản đồ địa chính 1995 là thửa 31, tờ bản đồ số 14, theo hồ sơ địa chính người sử dụng là Đoàn Thị V1.

Thửa đất số 04, tờ bản đồ số 21 (bản đồ địa chính 2018), diện tích 940,9 m^2, theo bản đồ địa chính 1995 là thửa 404, tờ bản đồ số 14, theo hồ sơ địa chính người sử dụng là Đoàn Thị V1.

Về quy hoạch, kế hoạch sử đụng đất: thửa đất 85 quy hoạch là đất ở, thửa đất 142 quy hoạch là đất trồng lúa, thửa đất 04 quy hoạch là đất ở.

Tại Biên bản xác minh ngày 04/7/2022, bà Triệu Thị I2 – Cán bộ Đội cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã B1, Công an thành phố Cao Bằng cho biết: hộ bà Đoàn Thị V1, địa chỉ J2, K, Hòa An, Cao Bằng được cấp sổ hộ khẩu gia đình ngày 03/5/2002, trong hộ bà V1 gồm có các thành viên: Bà Đoàn Thị V1, sinh năm 1956 (chủ hộ); Ông Nguyễn Khánh A2, sinh năm 1979 (con bà V1); Ông Nguyễn Khánh B1, sinh năm 1981 (con bà V1). Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (ngày 09/12/1999) không có tài liệu lưu tại tàng thư hộ khẩu.

Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07/12/2021 xác định:

- Thửa đất số 85 có tứ cận tiếp giáp như sau:
Phía Đông giáp nhà bà Hoàng Thị K2.

Phía Tây giáp nhà bà Hoàng Thị V.

Phía Nam giáp đường tránh Quốc lộ 3.

Phía Bắc giáp đất của bà Hoàng Thị V và bà Hoàng Thị G2.

P1 trạng trên thửa đất 85: có 02 nhà 03 tầng, 02 bếp, 01 chuồng trại phía sau, 02 nhà 01 tầng ở hai bên của nhà 03 tầng. Phía trước là mái hiên lợp bằng tôn, proximang, có cửa xếp và cửa kính.

- Thửa đất số 04 có tứ cận tiếp giáp như sau:
Phía Đông giáp nhà bà Nông Thị P.

Phía Tây giáp đất bà Nông Thị L2.

Phía Nam giáp đất của bà H2 Thị M2.

Phía Bắc giáp đất bà Nông Thị L2.

Hiện trạng trên thửa đất 04: có trồng rau và có 01 lán quây bằng lưới thép B40, nền đổ bê tông cột sắt, mái lợp tôn, quây lưới đen, kèo và xà gồ bằng sắt hộp.

- Thửa đất số 142 có tứ cận tiếp giáp như sau:
Phía Đông giáp đất của bà Hoàng Thị V.

Phía Tây giáp đất ông Nguyễn Xuân G1.

Phía Nam giáp đất của bà Đoàn Thị Nhu và bà Đoàn Thị Pháy.

Phía Bắc giáp đất ruộng của ông Đoàn Văn Uyên.

Hiện trạng trên thửa đất 142: có lúa đã gặt xong.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn rút yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyến sử dụng đất, vẫn giữ nguyên yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu, đối với yêu cầu đòi lại đất, nguyên đơn yêu cầu các bị đơn Nguyễn Bảo H và Nguyễn Bảo I phải trả lại 111,0m2 thuộc một phần thửa đất số 85; yêu cầu bị đơn Nguyễn Bảo L phải trả lại 109,4 m^2 thuộc một phần thửa đất số 85; yêu cầu các bị đơn Nguyễn Bảo H, Nguyễn Bảo I, Nguyễn Bảo L phải trả lại ½ thửa đất số 04, tờ bản đồ số 21; yêu cầu bị đơn Nguyễn Bảo L phải trả lại ½ thửa đất số 142, tờ bản đồ số 14.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đã có đơn xin xét xử vắng mặt, chỉ có người đại diện theo pháp luật tham gia và đều có ý kiến không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án sơ thẩm số 58/2022/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022; Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 11/2022/QĐ-SCBSH1 ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã:

- Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật R1 tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 155, Điều 158, Điều 163, Điều 164, Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 3 Điều 17, Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên bố di chúc do bà Đoàn Thị V1 lập ngày 10/7/2017 vô hiệu. Tuyên bố di chúc do bà Đoàn Thị V1 lập ngày 10/7/2017 vô hiệu một phần đối với phần tài sản ông Nguyễn Trung A được quyền sở hữu trong khối tài sản chung với bà Đoàn Thị V1.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi lại tài sản.

Các bị đơn Nguyễn Bảo H và Nguyễn Bảo I phải trả lại diện tích đất là 111,0 m^2 thuộc một phần thửa đất số 392, tờ bản đồ số 14 (bản đồ địa chính năm 1995), nay là thửa đất số 85, tờ bản đồ số 78 (bản đồ địa chính năm 2015) có địa chỉ tại Tổ B, phường K, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng cho ông Nguyễn Trung A quản lý, sử dụng.

Bị đơn Nguyễn Bảo L phải trả lại diện tích đất là 109,4 m^2 thuộc một phần thửa đất số 392, tờ bản đồ số 14 (bản đồ địa chính năm 1995), nay là thửa đất số 85, tờ bản đồ số 78 (bản đồ địa chính năm 2015) có địa chỉ tại Tổ B, phường K, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng cho ông Nguyễn Trung A quản lý, sử dụng.

Các bị đơn Nguyễn Bảo H, Nguyễn Bảo I, Nguyễn Bảo L phải trả lại ½ thửa đất số 404, tờ bản đồ số 14 (bản đồ địa chính năm 1995), nay là thửa đất số 04, tờ bản đồ số 21 (bản đồ địa chính năm 2015) có diện tích là 470,5 m^2 được giới hạn bởi các điểm A, B, I, K có địa chỉ tại Tổ Q, phường K, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng cho ông Nguyễn Trung A quản lý, sử dụng.

Bị đơn Nguyễn Bảo L phải trả lại ½ thửa đất số 31, tờ bản đồ số 14 (bản đồ địa chính năm 1995), nay là thửa đất số 142, tờ bản đồ số 14 (bản đồ địa chính năm 2015) có diện tích là 257,6 m^2 được giới hạn với các điểm B, C, D, E, G có địa chỉ tại tổ 08, phường K, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng cho ông Nguyễn Trung A quản lý, sử dụng.

(Có sơ đồ kèm theo)

Các bên đương sự có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 443831 mang tên bà Đoàn Thị V1 do Ủy Ban nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng cấp ngày 09/12/1999.

4. Đối với tài sản trên diện tích đất có tranh chấp: Quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

5. Đối với các cá nhân đang thuê các thửa đất có tranh chấp: Quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự và những người thuê đất đều không yêu cầu giải quyết hợp đồng thuê đất trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

6. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 11.000.000 đồng. Xác nhận nguyên đơn đã nộp đủ.

7. Án phí: Bị đơn là trẻ em có yêu cầu miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/9/2022 và 27/9/2022, Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng đã nhận được đơn kháng cáo của các bị đơn Nguyễn Bảo L,

Nguyễn Bảo H, Nguyễn Bảo I. Kháng cáo đối với toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 58/2022/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 58/2022/DS-ST ngày 20/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người giám hộ của các bị đơn thống nhất trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu cấp Phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án. Đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm tuyên hủy Toàn bộ bản án số 58 ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn luật sư Đỗ Thành O trình bày: Ông A khởi kiện yêu cầu lấy lại diện tích đất tranh chấp gồm các thửa: Thửa đất số 392, tờ bản đồ số 14 (bản đồ địa chính 1995), diện tích 910 m^2, đã bị thu hồi một phần, nay thửa đất còn lại 450 m^2 thuộc thửa 85, tờ bản đồ số 85 (bản đồ địa chính năm 2015), địa chỉ: Tổ B, phường K, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Đất ruộng tên địa phương là Đ2 thuộc thửa đất số 04, tờ bản đồ số 21 (bản đồ địa chính 2015), diện tích 940,9 m^2 (địa chỉ: tổ B, phường K, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng); Đất ruộng tên địa phương là E2 thuộc thửa đất số 142, tờ bản đồ số 14 (bản đồ địa chính 2015), diện tích 515,5 m^2 (địa chỉ: tổ Q, phường K, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng). Tòa án cấp sơ thẩm xác định tài sản tranh chấp là tài sản chung của ông A và bà V1 nhưng lại không thu thập các tài liệu, chứng cứ chứng minh nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng đất. Theo ông A khai năm 1990 được bố mẹ đẻ của ông A chia đất nhưng theo hồ sơ cấp GCNQSD đất cấp cho bà V1 thì căn cứ luật đất đai năm 1993 thì theo quy định là giao đất cho hộ gia đình, cá nhân như vậy tòa án cấp sơ thẩm không thu thập tài liệu, chứng cứ xem tại thời điểm giao đất ông A có ở địa phương không, có hộ khẩu ở địa phương không là thiếu sót. Ngoài ra thửa đất ở số 392, tờ bản đồ địa chính số 14 có diện tích tăng thêm so với GCNQSD đất nhưng chưa có xác nhận của các hộ xung quanh, cấp sơ thẩm chưa tiến hành định giá tài sản để trong trường hợp giao đất cho ông A thì phải thanh toán tiền tài sản trên đất cho các bị đơn. Ông E là đại diện theo ủy quyền của ông A ở cấp sơ thẩm cũng có văn bản yêu cầu tháo dỡ công trình trên đất, theo quy định của bộ luật TTDS thì cấp sơ thẩm phải thành lập hội đồng định giá tài sản trong trường hợp không thống nhất được giá trị tài sản. Về án phí đây là vụ án dân sự có giá ngạch chứ không phải vụ án tranh chấp dân sự không có giá ngạch như cấp sơ thẩm xác định. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét công sức đóng góp, tạo lập của những người đang quản lý, sử dụng đất. Ông A và bà V1 là hôn nhân thực tế nhưng HĐXX sơ thẩm không xem xét công sức đóng góp của ông A và

bà V1 mà tuyên trả lại diện tích đất đã được cấp GCNQSD đất là không phù hợp với án lệ số 35 năm 2016. Đất vườn đến nay vẫn là đất vườn chưa chuyển đổi mà ông A không sinh sống tại địa phương thì phải thuộc về người đang quản lý sử dụng là bà V1 và bà V1 đã có di chúc để lại cho các cháu. Đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị J, chị M tuyên hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ về cho tòa án cấp sơ thẩm để xét xử lại do các vi phạm về tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nhất trí với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng. Đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án số 58/DSST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa đều trình bày: Giữ nguyên lời khai, ý kiến, lời trình bày tại cấp sơ thẩm. Không có ý kiến bổ sung. Đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm số 58/DSST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm: Tại phiên tòa phúc thẩm hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa phúc thẩm.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa. Xét thấy kháng cáo của các bị đơn là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 58/2022/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn Nguyễn Trung A khởi kiện bị đơn Nguyễn Bảo H, Nguyễn Bảo I, Nguyễn Bảo L có địa chỉ tại Tổ B, phường K, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng kiện đòi tài sản, tài sản tranh chấp là quyền sử dụng đất, đất tranh chấp cũng có địa chỉ tại Tổ B, phường K, thành phố Cao Bằng. Theo quy định tại khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng thụ lý giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn Nguyễn Trung A khởi kiện yêu cầu "kiện đòi tài sản" Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án với quan hệ tranh chấp là "Kiện đòi tài sản" là đúng theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Các bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, Hội đồng xét xử nhận định về yêu cầu kháng cáo bị đơn như sau:

Tài sản tranh chấp gồm các thửa đất số 85, thửa đất số 04 cùng tờ bản đồ số 21; thửa đất số 142, tờ bản đồ số 14, cả ba thửa đất trên có cùng địa chỉ: Tổ B, phường K, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Nguyên đơn yêu cầu các bị đơn Nguyễn Bảo H và Nguyễn Bảo I phải trả lại 111,0m2 thuộc một phần thửa đất số 85; yêu cầu bị đơn Nguyễn Bảo L phải trả lại 109,4 m^2 thuộc một phần thửa đất số 85; yêu cầu các bị đơn Nguyễn Bảo H, Nguyễn Bảo I, Nguyễn Bảo L phải trả lại ½ thửa đất số 04, tờ bản đồ số 21; yêu cầu bị đơn Nguyễn Bảo L phải trả lại ½ thửa đất số 142, tờ bản đồ số 14.

Về nguồn gốc đất tranh chấp: Cả ba thửa đất nêu trên đều có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn Y1 và bà Hoàng Thị Z1. Ông Nguyễn Trung A là con ông Nguyễn Văn Y1 (sinh năm 1918, chết năm 2000) và bà Đoàn Thị Z1 (sinh năm 1922, chết năm 1990); trú tại xóm U1, xã K, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng (nay là tổ B, phường K, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng). Năm 1972 ông A đi bộ đội vào miền Nam chiến đấu, năm 1976 ông về Cao Bằng kết hôn với bà Đoàn Thị V1 (không có đăng ký kết hôn) và ra quân làm việc (lái xe) tại Công ty ô tô tỉnh Đắk Lắk. Ông A làm việc ở Đắk Lắk thỉnh thoảng mới về Cao Bằng thăm gia đình. Ông A và bà V1 sinh được 02 người con trai là Nguyễn Khánh A2 (sinh năm 1979, chết năm 2014) và Nguyễn Khánh B1 (sinh năm 1981, chết năm 2014). Năm 1984 ông A được ông Nguyễn Văn Y1 và bà Đoàn Thị Z1 chia đất ở và đất vườn , sau khi được chia đất ông A dựng một căn nhà 3 gian để cho 3 mẹ con bà V1 ở, phần đất xây dựng ngôi nhà 3 gian này đã bị nhà nước thu hồi năm 2012 để làm đường, bà V1 đã nhận tiền đền bù và được cấp 02 lô đất tái định cư.

Sau khi tan hợp tác xã năm 1990 ông Nguyễn Văn Y1 và bà Đoàn Thị Z1 chia đất ruộng cho ông A và các anh em trong gia đình, chia bằng miệng. Năm 1990 bà Z1 chết, do có mẫu thuẫn với bà V1 nên ông A đã viết đơn xin ly hôn nhưng bà V1 không ký nên không giải quyết ly hôn. Năm 1992 ông A kết hôn với bà Ngô Thị Bích E1 và sinh sống tại Đắk Lắk, có 02 con là Nguyễn Trường C2- sinh năm 1992 và Nguyễn Trường D2 - sinh năm 2001. Từ khi kết hôn với

bà E1 ông A không còn qua lại với bà V1 nữa. Năm 2009 ông A xin nghỉ chế độ và chuyển về sinh sống ở Nha Trang đến nay.

Về phần đất ông A được bố mẹ chia, năm 1999 bà Đoàn Thị V1 tự ý xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không cho ông A biết. Khi bà V1 còn sống ông A đã nhiều lần yêu cầu bà V1 chia đất cho ông A nhưng bà V1 không đồng ý. Ngày 10/7/2017 bà V1 lập di chúc với nội dung: chia cho cháu Nguyễn Bảo H và cháu Nguyễn Bảo I căn nhà ở và phòng trọ hướng về phía đông giáp nhà ông Phan Văn N2, chia cho cháu Nguyễn Bảo L căn nhà và phòng trọ hướng về phía tây giáp nhà Nguyễn Văn A1, nhà đất này đều thuộc thửa đất số 392, tờ bản đồ số 14; chia đều cho 03 cháu Nguyễn Bảo H, Nguyễn Bảo I, Nguyễn Bảo L thửa đất số 404, tờ bản đồ số 14; chia cho cháu Nguyễn Bảo L thửa đất số 31, tờ bản đồ số 14. Đến năm 2018 bà V1 chết ông A lại tiếp tục yêu cầu con dâu và các cháu chia đất nhưng cũng không được chấp nhận. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả lại phần đất ông được bố mẹ chia cho.

Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm xét thấy lời khai của các bên đương sự phù hợp với lời khai của tổ trưởng tổ dân phố, các hộ có đất giáp ranh, anh chị em ruột, cháu ruột của ông Nguyễn Văn O1 nên có cơ sở để khẳng định nguồn gốc các thửa đất có tranh chấp là của ông Nguyễn Văn Y1 và bà Đoàn Thị Z1. Việc ông Y1 bà Z1 chia đất cho ông A mặc dù không có văn bản nhưng được các thành viên trong gia đình xác nhận là đúng.

Theo hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đoàn Thị V1, Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 10/4/1998 thể hiện người sử dụng đất gồm chủ hộ là bà V1, chồng là ông Nguyễn Văn O1 sinh năm 1954, nguồn gốc các thửa đất là thừa kế. Như vậy, bà V1 đã thừa nhận các thửa đất bà xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có cả phần của ông Nguyễn Trung A.

Về mối quan hệ giữa ông A và bà V1: năm 1976 ông A kết hôn với bà Đoàn Thị V1 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông A và bà V1 sinh được 02 người con trai là Nguyễn Khánh A2 và Nguyễn Khánh B1. Đến năm 1992 ông A không còn chung sống với bà V1 mà kết hôn với bà Ngô Thị Bích E1 và có 02 con chung. Do đó, theo án lệ số 41/2001/AL thì quan hệ hôn nhân thực tế của ông A và bà V1 đã chấm dứt.

Trong quá trình có quan hệ hôn nhân thực tế với bà V1, năm 1984 ông A được bố mẹ chia thửa đất số 85, sau khi được bố mẹ chia đất ông A đã xây nhà cho bà V1 cùng các con ở. Theo quy định tại Điều 15 Luật Hôn nhân gia đình năm 1959 thì "vợ và chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới". Do đó, thửa đất này được xác định là tài sản chung của ông A và bà V1.

Năm 1990 ông A được bố mẹ chia đất ruộng, thời điểm này Luật Hôn nhân gia đình năm 1986 đã có quy định về tài sản riêng nhưng Thành không chứng minh được ông được tặng cho riêng, đồng thời, sau khi được chia đất ông cũng giao các thửa ruộng này cho bà V1 canh tác để tạo hoa màu nuôi dưỡng 02 con chung, bà V1 cũng có công sức trong việc giữ gìn, bảo quản tài sản. Do đó, các thửa đất ruộng ông A được bố mẹ chia cho cũng được xác định là tài sản chung của ông A và bà V1.

Quá trình quản lý sử dụng bà V1 đã được hưởng lợi khi chuyển nhượng thửa đất số 50a cho ông Phạm Văn P2, bà Đoàn Thị T1 năm 2014 và được nhà nước đền bù khi thu hồi một phần thửa đất số 85. Quá trình giải quyết vụ án ông A cũng không yêu cầu đòi lại tất cả các thửa đất ông được chia mà chỉ yêu cầu bị đơn Nguyễn Bảo L trả lại 109,4 m^2, bị đơn Nguyễn Bảo H, Nguyễn Bảo I trả lại 111 m^2, tổng cộng là 220,4 m^2 trên tổng số 450,3 m^2 đất còn lại của thửa 85 (chỉ lấy phần đất chưa xây dựng, để lại nguyên trạng 02 ngôi nhà xây và phần đất phía sau cho các bị đơn sử dụng), yêu cầu bị đơn Nguyễn Bảo L trả lại 1/2 thửa đất số 142 và yêu cầu 03 bị đơn trả lại 1/2 thửa đất số 04. Phần đất nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại chưa đến ½ tổng số diện tích đất nguyên đơn đã được bố mẹ chia, tuy nhiên, xét thấy ý kiến của nguyên đơn hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã B1, do đó cần được chấp nhận.

Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm nhận định hiện nay các bị đơn đang quản lý, sử dụng các tài sản được bà Đoàn Thị V1 chia cho theo di chúc lập ngày 10/7/2017 nên các bị đơn có nghĩa vụ trả lại tài sản theo yêu cầu khởi kiện nguyên đơn là có căn cứ.

Di chúc bà Đoàn Thị V1 lập ngày 10/7/2017 theo di chúc, bà V1 để lại cho 03 bị đơn toàn bộ nhà và đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp cho bà Đoàn Thị V1, việc định đoạt toàn bộ số tài sản đã vượt quá phần tài sản mà bà V1 được định đoạt như đã phân tích ở trên. Do đó, cấp sơ thẩm nhận định chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố di chúc vô hiệu đối với phần tài sản ông A được sở hữu trong khối tài sản chung với bà V1 là có căn cứ.

Từ những phân tích và nhận định như trên, xét thấy kháng cáo của các bị đơn Nguyễn Bảo H, Nguyễn Bảo I, Nguyễn Bảo L là không có căn cứ, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Các bị đơn là trẻ em nên được miễn án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn Nguyễn Bảo H, Nguyễn Bảo I, Nguyễn Bảo L. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 58/2022/DS-ST ngày 20/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

2. Về án phí phúc thẩm: Các bị đơn Nguyễn Bảo H, Nguyễn Bảo I, Nguyễn Bảo L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đươc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh CB;
- Chi cục THADS TPCB;
- TAND TPCB;
- Các đương sự;
- Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

TM.B1 ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngôn Ngọc Viên